

ĐỌC SÁCH:

Tục ngữ ca dao về quan hệ gia đình*

Trong lời *Trước khi vào đề* ở sách *Kinh thi Việt Nam*¹, nhà học giả Nguyễn Bách Khoa có viết: "Đọc ca dao chúng ta còn thấy trong lịch sử có thể dựng lại được trong tưởng tượng cuộc sinh hoạt kinh tế và xã hội của cha ông chúng ta từ ngàn xưa đến cận đại. Ca dao thật là một tài liệu tâm lý công cộng và là một tài liệu xã hội học rất dồi dào vậy" (tr. 17). Ở một đoạn khác, cũng trong sách ấy, Nguyễn Bách Khoa lại viết: "Đây không phải là một kiến thiết mới, đây chỉ là một công trình khôi phục. Hoặc nói một cách văn chương hơn, tôi thử cùng bạn đọc tìm đến những cội rễ tâm lý và xã hội của nền thơ bình dân Việt Nam" (tr. 21).

Nguyễn Bách Khoa gọi *Kinh thi* là một tài liệu xã hội học và theo ông: "nó điểm chỉ cho nhà xã hội học những vết tích của một cuộc sinh hoạt văn hóa kinh tế... các tài liệu xác thực về cơ sở ấy là có thể tìm biết được trình độ tiến hóa của cái xã hội mình nghiên cứu" (tr. 34). Những tài liệu xác thực ở *Kinh thi Việt Nam* mà Nguyễn Bách Khoa thấy được khiến ông chỉ ra rằng "Xã hội Việt Nam xây trên kinh tế nông nghiệp" (tr. 69).

Công trình của Tiến sĩ Phạm Việt Long có vẻ như là một kiểu nối theo cách dẫn giải của Nguyễn Bách Khoa, nhưng đi sâu vào quan hệ gia đình qua tục ngữ, ca dao. Trong sự tiếp thu và sáng tạo này, tác giả đã vận dụng những phương pháp nghiên cứu như thống kê, so sánh, văn hóa học, tâm lý học và xã hội học để lý giải sự hình thành và phát triển lâu bền của gia đình truyền thống, thông qua các văn bản tục ngữ, ca dao. Từ đó, tác giả đưa ra các nhận định về đặc điểm, cấu trúc, chức năng cũng như các ưu trội và hạn chế của gia đình truyền thống.

Phạm Việt Long đã "quan sát" một kho tàng ca dao đồ sộ, khá đầy đủ² chứa đựng 11.825 đơn vị ca dao. Từ đó, ông chọn ra 1.179 đơn vị nói về gia đình chiếm 9,97% tổng số, để khảo sát về quan hệ vợ, chồng, ông chọn được 690 đơn vị chiếm 58,52% đơn vị ca dao nói về gia đình.

* *Tục ngữ ca dao về quan hệ gia đình*. Phạm Việt Long. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2004. 428 trang.

¹ *Kinh thi Việt Nam*. Nguyễn Bách Khoa. Nxb Hàn Thuyên, Hà Nội năm 1945, Nxb Văn hóa - Thông tin tái bản năm 2000.

² Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên). *Kho tàng ca dao người Việt*. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội - 1995.

Phạm Việt Long cũng đã "quan sát" 7.040 câu tục ngữ. Sự phân loại của tác giả cho thấy chiếm số lượng cao nhất là số câu nói về quan hệ vợ chồng: 285 câu chiếm 39,17% số câu nói về gia đình, có 229 câu về quan hệ cha, mẹ, con; tiếp đến là quan hệ anh, chị, em, quan hệ dâu, rể,... Ông có nhận định "tục ngữ và ca dao đều quan tâm ở mức độ đáng kể đến quan hệ gia đình. Qua thống kê cho thấy trong kho tàng tục ngữ, ca dao hai thể loại này có tỷ lệ tương đương nhau về chủ đề gia đình (10,36% trong tục ngữ, 9,97% trong ca dao). Tục ngữ và ca dao đã khắc họa một cách sinh động những mặt mang tính bản chất của gia đình Việt nam" (tr. 161).

Có lẽ, đến đây, chỉ cần chép lại một số câu ca dao, tục ngữ được quan sát ở công trình của Phạm Việt Long, chúng ta cũng dễ thấy ý nghĩa xã hội học từ những phân tích văn hóa dân gian của ông:

- Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa
- Đói no có vợ có chồng
Chia niêu sẻ đũa đau lòng nát gan
- Con ơi muốn nên thân người
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha
- Con hư bởi tại cha dung
Vợ hư bởi tại anh chồng cả nghe
- Lấy chồng hơn ở góa
- Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tòng tử
- Cha sinh chẳng bằng mẹ dưỡng
- Lệnh ông không bằng công bà

MAI ĐẶNG HIỀN QUÂN

Trẻ em, gia đình, xã hội*

Trong nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam cùng các tổ chức quốc gia và quốc tế như Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em, Unicef, Plan, v.v... đã không ngừng nỗ lực trong việc xây dựng các chính sách, đưa ra các đề xuất thực thi Công ước về quyền trẻ em ở nước ta. Không chỉ bằng những cam kết về mặt chính trị, Đảng và nhà nước ta đã thể hiện bằng các hành động cụ thể được đảm bảo bằng pháp luật trong việc thực hiện các nhóm quyền trẻ em trên cơ sở không phân biệt địa vị, dân tộc, tôn giáo.

* *Trẻ em, gia đình, xã hội*. Mai Quỳnh Nam (Chủ biên). Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2004.

Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội Xã hội học thế giới lần thứ 25, tổ chức tại thành phố Brisbane - Australia tháng 7 năm 2002 chỉ rõ “*Trong bối cảnh thế giới hiện nay, các phân tích xã hội học về trẻ em được xem xét bởi điều kiện phân mảnh và hội nhập xã hội dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa. Các vấn đề về trẻ em được phân tích trong mối quan hệ với tình trạng đói nghèo, nạn thất học, xung đột vũ trang, chiến tranh sắc tộc, nguy cơ bùng nổ đại dịch HIV/AIDS...*”

Trong trường hợp của Việt Nam, nhóm thanh thiếu niên chiếm tỷ trọng lớn trong quy mô dân số cả nước, vì vậy việc nghiên cứu xã hội học về thanh thiếu niên hiện nay là rất cần thiết để các thiết chế như gia đình, nhà trường, các tổ chức xã hội thực hiện tốt hơn quá trình xã hội hoá, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

Cuốn sách **Trẻ em, gia đình, xã hội** bao gồm các bài nghiên cứu thuộc các lĩnh vực xã hội học, tâm lý học xã hội, lấy đối tượng trẻ em làm chủ thể trung tâm nghiên cứu trong môi trường phát triển của gia đình - xã hội. Tuổi thanh thiếu niên là một giai đoạn diễn ra các đặc điểm tâm, sinh lý khác biệt so với các giai đoạn phát triển khác của con người. Có một thực trạng là trẻ em ngày càng phải đối mặt với một xã hội nhiều rủi ro hơn, nhiều hiện tượng xã hội tiêu cực ảnh hưởng tới trẻ em mà chúng ta không thể kiểm soát: nghèo đói, nạn bạo hành, xâm hại, trẻ em lao động sớm, tội phạm, v.v... Các kết quả nghiên cứu cho thấy khi có sự biến động về môi trường sống, nữ giới và trẻ em là những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và chịu ảnh hưởng mạnh nhất.

Từ những nội dung trên, sách được xây dựng theo các phần như sau:

Phần I: Trẻ em Việt Nam: Sự quan tâm của xã hội đối với việc chăm sóc và giáo dục trẻ em. Từ các nghiên cứu về đặc điểm trẻ em Việt Nam, đánh giá các nhu cầu giáo dục về giới tính, hay thực trạng của lao động trẻ em ở các gia đình sản xuất, cung cấp những dữ liệu đáng quan tâm đối với các nhà quản lý, những người xây dựng chính sách về các vấn đề liên quan đến trẻ em. Bên cạnh đó, những bài viết được rút ra từ các cuộc nghiên cứu thực nghiệm do các nhà xã hội học thực hiện về nhóm trẻ thuộc dân tộc thiểu số về vấn đề lao động và việc tiếp cận và thụ hưởng báo chí dành cho các em cũng đem lại cho bạn đọc những thông tin bổ ích về nhóm trẻ em dân tộc.

Phần II: Vai trò của gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ em

Vai trò của cha mẹ và gia đình có ảnh hưởng rất lớn trong việc định hình nên nhân cách của con cái. Trong đó vai trò của người cha đối với con trong việc chăm sóc và dạy dỗ được phân tích dựa trên các các luận điểm: quy định từ thiên hướng tự nhiên, truyền thống văn hóa và sự thay đổi về vai trò trong sự biến đổi xã hội Việt Nam sau thế kỷ 20. Một số nội dung như hành vi có vấn đề của trẻ vị thành niên, bạo lực gia đình đối với tâm lý và hình thành nhân cách của trẻ cũng được phân tích từ góc độ xã hội học và tâm lý học xã hội.

Phần III: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt - khó khăn và giải pháp

Phần 3 với số lượng các bài viết chiếm một dung lượng lớn cho thấy thực tế đa dạng của các nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt: trẻ khuyết tật, trẻ làm các công việc

lao động, trẻ giúp việc trong gia đình, trẻ em đường phố, trẻ phạm pháp. Thực tế này đòi hỏi các tổ chức, các nhà công tác xã hội cần có sự trợ giúp, giải pháp can thiệp phù hợp với từng nhóm trẻ.

Nhìn nhận các vấn đề của trẻ em trong các tương tác xã hội, trong bối cảnh có nhiều thay đổi về các giá trị trong gia đình, xã hội hiện đại là một yêu cầu cấp thiết trong thời điểm hiện nay khi mà chúng ta đang cố gắng xây dựng Chiến lược vì sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ trẻ em giai đoạn 2005 - 2010.

HỒ KIM

Giới thiệu luận văn Thạc sĩ Xã hội học

- Tên luận văn: **Các lựa chọn học tập cho phát triển làng - xã**

(*Qua nghiên cứu trường hợp mô hình làng - xã hỗn hợp trọng nông và làng - xã hỗn hợp không trọng nông*)

Của học viên: Nguyễn Thị Minh Phương

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Tô Duy Hợp

Giáo dục luôn được xem là một giải pháp rất quan trọng cho sự phát triển nông nghiệp - nông thôn. Tuy vậy, ở nông thôn Việt Nam hiện nay còn rất nhiều người không theo học hết các bậc học phổ thông, và do đó thời gian học trong nhà trường không kéo dài. Vậy người ta học tập bằng cách nào để phát triển nông thôn khi mà phần lớn vòng đời của họ ở bên ngoài trường học?

Tác giả phân tích hai mô hình làng - xã hỗn hợp trọng nông và làng - xã hỗn hợp trọng phi nông ở đồng bằng sông Hồng trên khía cạnh giáo dục, cụ thể hơn là sự học tập của người dân nông thôn trong việc lựa chọn học tập trong nhà trường và/hoặc ngoài nhà trường. Sự lựa chọn học tập đó có ảnh hưởng gì đến sự phát triển của hai mô hình làng - xã trên?

Ba làng - xã (thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã được chọn làm mẫu trong nghiên cứu thực nghiệm là: *Tam Sơn* (xã Tam Sơn) - *thuộc mô hình làng - xã hỗn hợp trọng nông*; *Đồng Kỵ* (xã Đồng Quang) và *Phù Lưu* (xã Tân Hồng) *thuộc mô hình làng - xã hỗn hợp trọng phi nông*.

Nội dung nghiên cứu:

- Phân tích thực trạng học tập trong nhà trường và ngoài nhà trường tại các làng - xã.

- Các nhân tố tác động tới sự lựa chọn học tập trong nhà trường và ngoài nhà trường của người dân.

- Sự tác động của các lựa chọn học tập đến sự tồn tại và phát triển của hai mô hình làng - xã, hỗn hợp trọng nông và làng - xã hỗn hợp trọng phi nông; Những lợi thế và trở ngại.

- Nghiên cứu các giải pháp phát triển giáo dục nông thôn để phát triển làng - xã.

Phần nội dung chính gồm 3 phần:

Phần mở đầu.

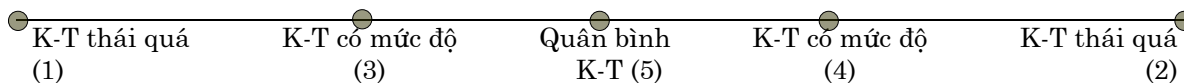
Luận văn trình bày các vấn đề như: lý do chọn đề tài, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, nội dung, đối tượng nghiên cứu và đối tượng thu thập thông tin; giả thuyết, phương pháp nghiên cứu, địa bàn khảo sát; mẫu khảo sát; kết cấu của luận văn; thời gian thực hiện.

Phần I: Cơ sở lý luận và phương pháp luận

1. Cơ sở lý thuyết: 1.1. Tiếp cận toàn thể luận khinh - trọng, 1.2. Các khái niệm chủ chốt từ tiếp hướng tiếp cận toàn thể luận khinh - trọng;

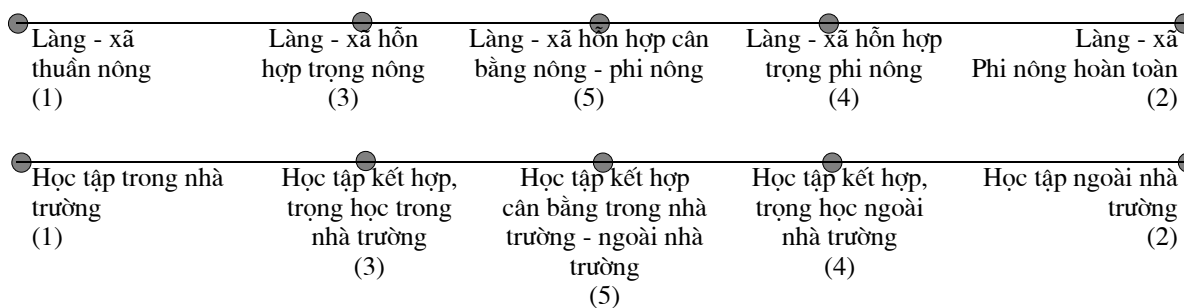
2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

Toàn thể luận khinh - trọng là một chủ thuyết toàn thể luận mới, chủ trương xem xét sự tồn tại, vận động của các sự vật, hiện tượng ở các trạng thái thuần khiết, hoàn toàn, thái quá và các trạng thái hỗn hợp, khinh - trọng có mức độ. Lược đồ rút gọn 5 khung mẫu khinh - trọng cơ bản là:



(1) và (2) là hai thái cực: khinh - trọng thái quá
(3) và (4) là đối trọng: phân biệt khinh - trọng
(5) là quân bình khinh - trọng

Lược đồ trên đã được vận dụng trong nghiên cứu các khung mẫu làng - xã và các khung mẫu học tập như sau:



Phần II: Các lựa chọn học tập cho phát triển làng - xã

Chương I: Sự lựa chọn học tập trong thời kỳ Đổi Mới

Trong chương này, tác giả trình bày các vấn đề: 1.1 Tình hình đến trường tại các điểm khảo sát, 1.2 So sánh học tập trong nhà trường và học tập ngoài nhà

trường, 1.3 Sự ảnh hưởng của cha mẹ đến lựa chọn học tập cho con cái, 1.4 Các giá trị học tập ở nông thôn.

Chương II: Sự lựa chọn khung mẫu cho sự phát triển làng - xã

Trong chương này, tác giả trình bày các vấn đề: 2.1 Ai chọn khung mẫu nào, 2.2 Học tập và sự duy trì, điều chỉnh, thay đổi khung mẫu làng - xã.

Phần kết luận và khuyến nghị

Luận văn bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Thạc sĩ Xã hội học, Cơ sở đào tạo Sau đại học, Viện Xã hội học, ngày 14 tháng 12 năm 2005.

• Tên luận văn: **Ảnh hưởng của truyền thống đến quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp ở các làng - xã vùng đồng bằng sông Hồng**

(Qua nghiên cứu tại bà làng Phù Lưu, Tam Sơn và Đông Kỵ, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)

Của học viên: Nguyễn Tuấn Anh

Người hướng dẫn khoa học: TSKH Bùi Quang Dũng

Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

- Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống của làng - xã đến định hướng chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng.

Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp phân tích tài liệu sẵn có cho phép tổng hợp những thông tin từ những nghiên cứu trước, phân tích các văn bản thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

- Điều tra bảng hỏi được sử dụng nhằm tìm hiểu thực trạng sự phân hóa lao động - nghề nghiệp ở các điểm nghiên cứu. Dung lượng mẫu được thiết kế là 300 phiếu, chia đều cho 3 làng, mỗi làng 100 phiếu.

- Phỏng vấn sâu thu thập thông tin về các quyết định kinh tế hộ gia đình và cộng đồng, các khuôn mẫu văn hoá.

- Phương pháp quan sát giúp tìm hiểu không gian sống của người dân, công việc hàng ngày và việc sử dụng thời gian của họ.

Phần nội dung chính gồm 3 phần:

Phần mở đầu

Trong phần này, tác giả trình bày các vấn đề như tính cấp thiết của đề tài; tổng quan vấn đề nghiên cứu; đối tượng, phạm vi nghiên cứu; mục đích nghiên cứu; giả thuyết nghiên cứu; cơ sở lý luận; phương pháp nghiên cứu; tổng quan các mẫu nghiên cứu; kết cấu của luận văn.

Chương I: Thực trạng và các xu hướng chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện nay

I. Nông thôn đồng bằng Sông Hồng thời kỳ Đổi mới

II. Chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện nay

Chương II: Kinh tế truyền thống của làng - xã và sự ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp

I. Kinh tế các làng - xã, lịch sử và hiện tại

II. Sự ảnh hưởng của kinh tế truyền thống đến quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động nghề nghiệp

II.1 Ảnh hưởng của cơ cấu kinh tế truyền thống đến quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp.

II. 2 Năng lực thị trường truyền thống ảnh hưởng đến chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp

Chương III: Truyền thống văn hóa làng và quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp

I. Hệ giá trị, chuẩn mực truyền thống nông thôn - nông nghiệp

II. Cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống và những ảnh hưởng của nó đến chuyển đổi cơ cấu lao động - nghề nghiệp.

Phần kết luận

Luận văn bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Thạc sĩ Xã hội học, Cơ sở đào tạo Sau đại học, Viện Xã hội học, ngày 15 tháng 12 năm 2004.

TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

Tạp chí Xã hội học đã nhận được sách của các nhà xuất bản, các tác giả sau đây gửi tặng. Cám ơn các nhà xuất bản, các tác giả và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TẠP CHÍ XÃ HỘI HỌC

- **NGUYỄN ĐỨC BÌNH: Một số vấn đề về công tác lý luận, tư tưởng và văn hóa.** Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2001. 691 tr.
- **BÙI QUANG DŨNG: Nhập môn lịch sử Xã hội học.** Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2004. 207 tr.

- ĐỖ QUANG HƯNG (chủ biên): **Nhà nước và giáo hội**. Nxb Tôn giáo. Hà Nội. 2003. 380 tr.
- LÊ NHƯ HOA: **Văn hóa ứng xử các dân tộc Việt Nam**. Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội. 2002. 394 tr.
- BÙI HUY KHOÁT (chủ biên): **Thúc đẩy quan hệ thương mại - đầu tư giữa Liên hiệp Châu Âu và Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2001. 264 tr.
- ĐỖ LONG, PHẠM THỊ MINH HƯƠNG (chủ biên): **Tính cộng đồng, tính cá nhân và “cái tôi” của người Việt Nam hiện nay**. (Sách tham khảo / Viện Tâm lý học. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2002. 361 tr.
- VŨ HOÀNG LINH (dịch): **Toàn cầu hóa, tăng trưởng và nghèo đói – Xây dựng một nền kinh tế thế giới hội nhập** (Sách tham khảo / Ngân hàng Thế giới). Nxb Văn hóa - Thông tin. Hà Nội. 2002. 247 tr.
- PHẠM XUÂN NAM (chủ biên): **Triết lý về mối quan hệ giữa cái kinh tế và cái xã hội**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2001. 314 tr.
- VŨ DƯƠNG NINH (chủ biên): **Việt Nam - ASEAN: Quan hệ đa phương và song phương**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2004. 359 tr.
- ĐỨC QUYẾT (sưu tầm, tuyển chọn): **Một số chính sách quốc gia về việc làm và xoá đói giảm nghèo**. Nxb Lao động. Hà Nội. 2004. 638 tr.
- LƯƠNG XUÂN QUỲ (chủ biên): **Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ở Việt Nam**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2002. 297 tr.
- NGUYỄN TRẦN QUẾ (chủ biên): **Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 21**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2004. 226 tr.
- NGUYỄN HỒNG SƠN (Sách tham khảo): **Văn hóa và phát triển - sự nhận thức và vận dụng trong thực tiễn**. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà nội. 2004. 212 tr.
- TRƯƠNG THỊ MINH SÂM (chủ biên): **Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2001. 170 tr.
- ĐÌNH THÒM (chủ biên); NGUYỄN THỊ LUYẾN, NGUYỄN THỊ QUY (biên soạn): **Kinh tế tư nhân trong giai đoạn toàn cầu hóa hiện nay**. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội. 2003. 269 tr.
- NGUYỄN ĐỨC TÔN: **Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt**. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2002. 390 tr.
- THẾ TRƯỜNG: **Hành trang thời đại kinh tế trí thức**. Nxb Giao thông vận tải. Hà Nội. 2004. 415 tr.

(Xem tiếp trang 107)